

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 6 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Minh Sửu

2. Ông Bùi Thanh Bình

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hà Tr, sinh năm 1993, cư trú tại: thôn M1, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

*- Bị đơn:* Anh Lữ Đăng C, sinh năm 1982, cư trú tại: thôn 9, xã Th(xã Th cũ), huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Dương Thị Hà Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C qua tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục địa P và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T vào ngày 10/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và vấn đề kinh tế; giữa vợ chồng không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vẫn không được cải thiện. Nên từ cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, đến nay được khoảng 06 tháng nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Tr xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lữ Dương Hà P, sinh ngày 25/8/2016, hiện tại con đang ở với chị. Quan điểm của chị là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Tr xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lữ Đăng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Thọ Xuân vào ngày 10/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tình cảm bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2019 anh có làm ăn thua lỗ dẫn đến mất mát về kinh tế, nên giữa vợ chồng mới có mâu thuẫn, nhưng cuộc sống giữa vợ chồng vẫn bình thường. Từ khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng mới sống ly thân về tình cảm. Quan điểm của anh C là anh vẫn thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh C xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lữ Dương Hà P, sinh ngày 25/8/2016, hiện đang ở với chị Tr. Quan điểm của anh C là con vẫn là con chung của vợ chồng, còn trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ và như vậy sẽ tốt hơn cho con. Tại phiên tòa anh C có ý kiến xin được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: anh C xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 24/4/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã Th cho biết: anh Lữ Đăng C và chị Dương Thị Hà Tr đăng ký kết hôn ngày 10/12/2020 tại UBND xã Th. Quá trình vợ chồng chung sống đã có 01 con chung là cháu Lữ Dương Hà P, sinh ngày 25/8/2016. Hiện tại vợ chồng đang ly thân; còn nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa P không nắm được do gia đình không báo cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho chị Dương Thị Hà Tr được ly hôn với anh Lữ Đăng C. Về con chung: giao cháu Lữ Dương Hà P cho chị Dương Thị Hà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Lữ Đăng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: Chị Dương Thị Hà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lữ Đăng C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị Hà Tr khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lữ Đăng C, cư trú tại: thôn 9, xã Th, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Hà Tr và anh Lữ Đăng C tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/12/2015, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đến khoảng cuối năm 2019 thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt và vấn đề về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh C có ý kiến không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh C không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Tr, xử cho chị Dương Thị Hà Tr được ly hôn với anh Lữ Đăng C.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị Hà Tr và anh Lữ Đăng C đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lữ Dương Hà P, sinh ngày 25/8/2016.

Xét: cháu P là con chung của vợ chồng hiện đang còn nhỏ và đang ở ổn định với chị Tr, được chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ sau khi vợ chồng sống ly

thân đến nay; Quá trình giải quyết vụ án anh C cũng có quan điểm đồng ý để cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện con đang còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh không xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của con, cần thiết giao con chung cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Tr không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng; tuy nhiên tại phiên tòa anh C có ý kiến xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Do đó để đảm bảo quyền lợi, nhu cầu thiết yếu của con, cần ghi nhận sự tự nguyện của anh C.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị Dương Thị Hà Tr và anh Lữ Đăng C đều xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị Hà Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lữ Đăng C phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Dương Thị Hà Tr được ly hôn với anh Lữ Đăng C.

2. *Về con chung:* Chị Dương Thị Hà Tr và anh Lữ Đăng C có 01 (một) con chung là cháu Lữ Dương Hà P, sinh ngày 25/8/2016.

Giao cháu Lữ Dương Hà P cho chị Dương Thị Hà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lữ Đăng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lữ Đăng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Dương Thị Hà Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Tr đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007276 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Dương Thị Hà Tr đã nộp đủ tiền án phí. Anh Lữ Đăng C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**